

BỘ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - hạnh phúc

Số: 85 /1998/QĐ-BCN

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP
Về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước : Xí nghiệp
Cơ khí và Bao bì Cầu Tre thành Công ty cổ phần
Bao bì hộp thiếc Cầu Tre

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

- Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần;

- Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 18 tháng 12 năm 1998 của Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu Tre ;

- Theo đề nghị của Ban Đổi mới quản lý Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu Tre (Công văn số 72/CKBB/98 ngày 18 tháng 12 năm 1998), Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp Bộ Công nghiệp và Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Phương án cổ phần hoá Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu Tre, gồm có:

1) Cơ cấu vốn Điều lệ :

- Vốn Điều lệ Công ty cổ phần là: 2.500.000.000, đồng (hai tỷ năm trăm nghìn đồng Việt Nam); trong đó :

+ Tỷ lệ cổ phần bán cho người lao động trong doanh nghiệp: 80 % vốn điều lệ,

+ Tỷ lệ cổ phần bán cho các đối tượng ngoài doanh nghiệp: 20 % vốn điều lệ.

2) Giá trị của Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu Tre (theo Quyết định số 3011/QĐ-TCKT ngày 10 tháng 12 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về xác định giá trị Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu Tre tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 10 năm 1998 để cổ phần hoá):

- Giá trị thực tế doanh nghiệp: 3.968.881.532 đồng;
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: 2.497.465.025 đồng.

3) Ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp:

- Tổng số cổ phần được mua theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp là 5816 cổ phần; giá trị được hưởng theo giá ưu đãi là 174.480.000 đồng; trong đó, tổng số cổ phần mua theo giá ưu đãi cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp được trả dần : 1130 cổ phần.

4) Đào tạo lại cho người lao động :

Giám đốc Xí nghiệp được sử dụng 60.000.000 đồng cho việc đào tạo lại công nhân có tay nghề thấp để chuyển sang Công ty cổ phần theo kế hoạch, định mức, quy định chi của Nhà nước và quyết toán theo chế độ hiện hành .

Điều 2. Chuyển doanh nghiệp Nhà nước : Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu Tre, thành Công ty cổ phần Bao bì hộp thiếc Cầu Tre kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1999.

- Tên gọi bằng tiếng Việt Nam : Công ty cổ phần Bao bì hộp thiếc Cầu Tre,

- Tên giao dịch quốc tế : CAUTRE TIN PACKAGING COMPANY, viết tắt là : TIPACO.

- Trụ sở đặt tại : 291/2, hương lộ 14, phường 19, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Công ty cổ phần Bao bì hộp thiếc Cầu Tre kinh doanh ngành nghề : Sản xuất kinh doanh Bao bì sắt lá tráng thiếc.

Điều 4. Công ty cổ phần Bao bì hộp thiếc Cầu Tre là pháp nhân theo pháp luật Việt Nam kể từ ngày được cấp đăng ký kinh doanh, thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập , được sử dụng con dấu riêng, được mở tài khoản tại Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo Điều lệ của Công ty cổ phần và Luật công ty.

Điều 5. Ban Đổi mới quản lý Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu Tre tổ chức Đại hội Cổ đông lần thứ nhất (bầu Hội đồng Quản trị , Ban Kiểm soát, thông qua Điều lệ Công ty cổ phần)

Giám đốc và Kế toán trưởng Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu Tre có trách nhiệm điều hành công việc quản lý cho đến khi bàn giao toàn bộ doanh nghiệp cho Hội đồng Quản trị và Giám đốc Công ty cổ phần Bao bì hộp thiếc Cầu Tre.

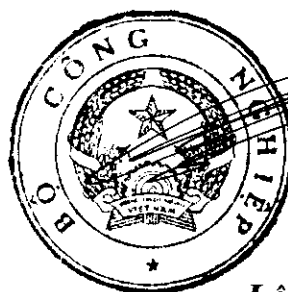
Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 450/CNn-TCLĐ ngày 17 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ (nay là Bộ Công nghiệp) về việc thành lập lại doanh nghiệp Nhà nước: Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu Tre.

Điều 7. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng chuyên ngành thuộc Bộ, Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu Tre chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *./muk*

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như điều 7,
- Ban ĐMQLDNTW,
- Bộ Tài chính,
- Bộ KHĐT,
- Ngân hàng Nhà nước VN,
- Kho bạc NN,-
- Tổng CụcQLV&TSNN tại DN,
- UBND TP Hồ Chí Minh,
- Cục QLV & TSNN tại DN TPHCM
- Ngân hàng, Kho bạc NN TPHCM,
- Các Sở: Tài chính, KHĐT, Công an
Tp Hồ Chí Minh,
- Công đoàn Công nghiệp VN,
- CTy Cổ phần Bao bì hộp thiếc Cầu Tre,
- Ban Đổi mới QLDN Bộ Công nghiệp,
- Lưu VP, TCCB. *W*



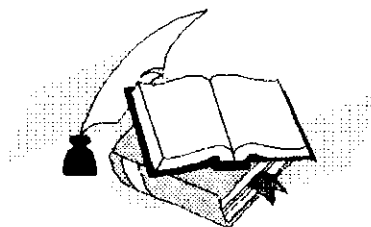
Lê Quốc Khánh

XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ VÀ BAO BÌ CẦU TRE

ĐIỆN THOẠI : 8652743 ; 8605021 FAX : 84.8.8650035

ĐỊA CHỈ : 291/2 HƯƠNG LỘ 14, F19, QUẬN TÂN BÌNH , TPHCM

PHƯƠNG AN CỔ PHẦN HOÀ
XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ VÀ BAO BÌ CẦU TRE



BỘ CÔNG NGHIỆP
XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ VÀ BAO BÌ CẦU TRE

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 070 /CKBB/98

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 12 năm 1998

Kính gửi : BỘ CÔNG NGHIỆP
V/v: Duyệt phương án cổ phần hoá .

- Căn cứ vào Nghị định 44/1998/NĐ-CP ngày 29.6.1998 của Chính phủ và thông tư số 104/1998/TT-BTC ngày 18.7.1998 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn những vấn đề tài chính khi chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần.

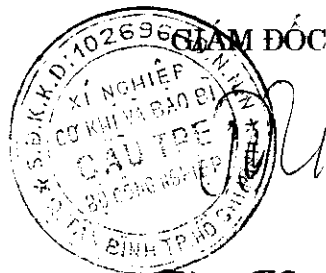
- Căn cứ vào Quyết định số :3011/QĐ-TCKT ngày 10/12/1998 của Bộ Công Nghiệp về việc xác định giá trị xí nghiệp cơ khí và bao bì Cầu Tre để thực hiện cổ phần hoá.

Xí nghiệp cơ khí và bao bì Cầu tre kính đề nghị Bộ Công Nghiệp duyệt phương án cổ phần hoá của doanh nghiệp với các nội dung như sau :

- * Vốn điều lệ : 2.497.465.025 đồng .
- * Tỷ lệ cổ phần của các cổ đông :
 - + Người lao động trong doanh nghiệp : 80% vốn điều lệ trị giá 1.997,972 triệu đồng
 - + Ngoài doanh nghiệp : 20% vốn điều lệ trị giá 499,493 triệu đồng.
- * Thời gian chuyển qua cổ phần : 01/01/1999.
- * Danh sách người lao động trong doanh nghiệp mua cổ phần theo giá ưu đãi trị giá 580 triệu đồng.
- * Danh sách người lao động nghèo trong doanh nghiệp trị giá 113 triệu đồng.

Kính chào đoàn kết .

Đính kèm: Phương án cổ phần hoá của xí nghiệp cơ khí và bao bì Cầu Tre.



Đào Văn Chanh

**BẢNG KÊ DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP
MUA CỔ PHẦN CỔ PHẦN THEO GIÁ ƯU ĐÃI**

TT	HỌ VÀ TÊN	Số năm đã làm việc cho Nhà nước	Số cổ phần được mua theo giá ưu đãi (giảm giá 30% so với các cổ đông khác)	Số tiền phải nộp để mua cổ phần theo giá ưu đãi (70.000đ/cổ phần)	Số tiền được hưởng theo giá ưu đãi của người LD trong DN (30.000 đ/cp)	Ghi chú (Chức danh trong doanh nghiệp)
1	ĐÀO VĂN THẠCH	38	94 90	6.300.000	2.700.000	Giám đốc
2	HUỖNH THỊ BẠCH HOA	17	94 90	6.300.000	2.700.000	Trưởng phòng HCTC
3	TRẦN THỊ HỒNG MINH	6	60	4.200.000	1.800.000	Nhân viên
4	NGUYỄN KIM LIÊN	3	30	2.100.000	900.000	Nhân viên
5	ĐINH XUÂN TÍNH	40	400	28.000.000	12.000.000	Nhân viên
6	VŨ DƯƠNG DIỆP	5	50	3.500.000	1.500.000	Nhân viên
7	HỒ THỊ MAI XUÂN	10	90	6.300.000	2.700.000	Kế toán trưởng
8	HÀ THANH PHONG	14	140	9.800.000	4.200.000	Nhân viên
9	LƯƠNG THỊ PHI YẾN	7	70	4.900.000	2.100.000	Nhân viên
10	TRẦN HỒNG LÂM	9	94 90	6.300.000	2.700.000	Trưởng phòng SXKD
11	VÕ VĂN ANH	6	60	4.200.000	1.800.000	Nhân viên
12	TRẦN THANH PHÚ	5	50	3.500.000	1.500.000	Nhân viên
13	NGUYỄN THÀNH LỢI	14	94 90	6.300.000	2.700.000	Phó phòng SXKD
14	TRƯƠNG TRUNG TRỰC	1	10	700.000	300.000	Nhân viên
15	TRẦN ĐỨC LẬP	1	10	700.000	300.000	Nhân viên
16	MẠC TUYẾT NHUNG	15	150	10.500.000	4.500.000	Chủ tịch Công đoàn
17	NGUYỄN MẠNH TOÀN	19	190	13.300.000	5.700.000	Quản đốc
18	NGUYỄN CÔNG THẮNG	18	180	12.600.000	5.400.000	Phó quản đốc
19	LƯU THẾ HÙNG	22	220	15.400.000	6.600.000	Công nhân
20	NGUYỄN QUỐC THẮNG	8	80	5.600.000	2.400.000	Tổ trưởng Tổ cơ khí
21	VƯƠNG VĨ TUÔNG	8	80	5.600.000	2.400.000	Công nhân
22	TRẦN VĂN MẾN	3	30	2.100.000	900.000	Công nhân
23	NGUYỄN HOÀNG LẬP	1	10	700.000	300.000	Công nhân
24	NGUYỄN MINH THÀNH	1	10	700.000	300.000	Công nhân
25	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	6	60	4.200.000	1.800.000	Tổ trưởng tổ BTP
26	PHẠM THỊ ĐIỂM	24	240	16.800.000	7.200.000	Công nhân
27	NGUYỄN THỊ LÊ	22	220	15.400.000	6.600.000	Công nhân
28	TRẦN THỊ KIM LANG	24	240	16.800.000	7.200.000	Công nhân
29	TRẦN THỊ THU	15	150	10.500.000	4.500.000	Công nhân
30	LÊ THỊ TRON	6	60	4.200.000	1.800.000	Công nhân

TT	HỌ VÀ TÊN	Số năm đã làm việc cho Nhà nước	Số cổ phần được mua theo giá ưu đãi (giảm giá 30% so với các cổ đông khác)	Số tiền phải nộp để mua cổ phần theo giá ưu đãi (70.000đ/cổ phần)	Số tiền được hưởng theo giá ưu đãi của người LD trong DN (30.000 đ/cp)	Ghi chú (Chức danh trong doanh nghiệp)
31	HUỖNH THỊ LIỄU	25	250	17.500.000	7.500.000	Công nhân
32	PHAN KIM HỒNG	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
33	NGUYỄN THỊ KIM VÂN	5	50	3.500.000	1.500.000	Công nhân
34	NGUYỄN THỊNH VƯỢNG	2	20	1.400.000	600.000	Công nhân
35	PHẠM H THANH TÂM	2	20	1.400.000	600.000	Công nhân
36	NGUYỄN QUANG HÙNG	2	20	1.400.000	600.000	Công nhân
37	NGUYỄN V HOÀNG LAM	6	60	4.200.000	1.800.000	Tổ trưởng tổ TP
38	NGUYỄN THỊ KIM HẢI	24	240	16.800.000	7.200.000	Công nhân
39	HUỖNH THỊ THU TRANG	5	50	3.500.000	1.500.000	Công nhân
40	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	6	60	4.200.000	1.800.000	Công nhân
41	HUỖNH THỊ THU NHẪN	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
42	HOÀNG NHỤC PHÓNG	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
43	NGUYỄN TOÀN THẮNG	6	60	4.200.000	1.800.000	Công nhân
44	TẶNG T HỒNG NHAN	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
45	MAC THANH LONG	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
46	NGUYỄN VIỆT THẮNG	2	20	1.400.000	600.000	Công nhân
47	LÊ VĂN HIỆU	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
48	ĐẶNG NGỌC ANH	24	240	16.800.000	7.200.000	Công nhân
49	ĐẶNG NGỌC MAI	24	240	16.800.000	7.200.000	Công nhân
50	HOÀNG THỊ QUỲ	20	200	14.000.000	6.000.000	Công nhân
51	ĐẶNG QUANG SANG	5	50	3.500.000	1.500.000	Công nhân
52	LẠI THỊ THU THỦY	5	50	3.500.000	1.500.000	Công nhân
53	NGUYỄN THỊ THANH	6	60	4.200.000	1.800.000	Công nhân
54	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	2	20	1.400.000	600.000	Công nhân
55	HUỖNH THANH NHỰT	2	20	1.400.000	600.000	Công nhân
56	LÊ TẤN PHÁT	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
57	NGUYỄN TOÀN THỊNH	4	40	2.800.000	1.200.000	Tổ trưởng tổ TP
58	TÔ THỊ LUÂN	24	240	16.800.000	7.200.000	Công nhân
59	LÊ MẬU THÂN	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
60	PHẠM THỊ CƯỜI	5	50	3.500.000	1.500.000	Công nhân

TT	HỌ VÀ TÊN	Số năm đã làm việc cho Nhà nước	Số cổ phần được mua theo giá ưu đãi (giảm giá 30% so với các cổ đông khác)	Số tiền phải nộp để mua cổ phần theo giá ưu đãi (70.000đ/cổ phần)	Số tiền được hưởng theo giá ưu đãi của người LĐ trong DN (30.000 đ/cp)	Ghi chú (Chức danh trong doanh nghiệp)
61	TRẦN MINH TÂM	2	20	1.400.000	600.000	Công nhân
62	HUỖNH THỊ HƯƠNG	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
63	NGUYỄN THANH THÚY	3	30	2.100.000	900.000	Công nhân
64	TRƯƠNG KIỀU DIỄM	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
65	NGUYỄN VĂN PHÁT	2	20	1.400.000	600.000	Công nhân
66	HUỖNH VĂN HÀ	2	20	1.400.000	600.000	Công nhân
67	TRẦN BÌNH THẠNH	0	0	0	0	
	CỘNG		5.800	406.000.000	174.000.000	

- Cổ phần ưu đãi bình quân : $\frac{6230 : 66}{5816} = \frac{94}{98}$ Cổ phần
 - Tổng giá trị cổ phần ưu đãi so với tổng giá trị thuộc vốn Nhà nước : 7%

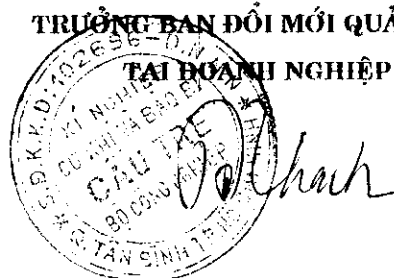
TM. BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG ỦY

TM. BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN

TRƯỞNG BAN ĐỐI MỐI QUẢN LÝ



Đào Văn Thach



Đào Văn Thach

**BẢNG KÊ DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG NGHÈO TRONG DOANH NGHIỆP
MUA CỔ PHẦN THEO GIÁ ƯU ĐÃI TRẢ DẦN TRONG 10 NĂM**

TT	HỌ VÀ TÊN	Số năm đã làm việc cho Nhà nước	Số cổ phần được mua theo giá ưu đãi (giảm giá 30% so với các cổ đông khác)	Số tiền mua mua CP của người LĐ nghèo trong DN (70.000đ/cổ phần)	Số tiền được ưu đãi thông qua giá cổ phần ưu đãi (30.000 đ/cp)	Ghi chú (Chức danh trong doanh nghiệp)
1	PHAN THỊ KIM HỒNG	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
2	TRẦN VĂN MÊN	3	30	2.100.000	900.000	Công nhân
3	NGUYỄN KIM LIÊN	3	30	2.100.000	900.000	Công nhân
4	NGUYỄN THỊ LÊ	22	220	15.400.000	6.600.000	Công nhân
5	HUỲNH THỊ LIỄU	25	250	17.500.000	7.500.000	Công nhân
6	LƯU THẾ HÙNG	22	220	15.400.000	6.600.000	Công nhân
7	TRẦN THỊ KIM LANG	24	240	16.800.000	7.200.000	Công nhân
8	NGUYỄN THỊ THANH	6	60	4.200.000	1.800.000	Công nhân
9	LÊ MẬU THÂN	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
	Cộng	113	1.130	79.100.000	33.900.000	

Tổng số cổ phần trả dần so với tổng số cổ phần ưu đãi : 19%

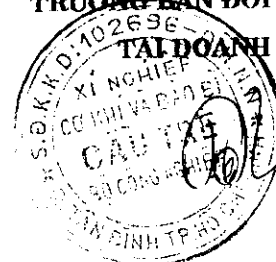
TM. BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG ỦY TM. BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN



Đào Văn Thạch



TRƯỞNG BAN ĐỔI MỚI QUẢN LÝ
TẠI DOANH NGHIỆP



Đào Văn Thạch

BẢNG KÊ DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG DOANH NGHIỆP
MUA CỔ PHẦN CỔ PHẦN THEO GIÁ ƯU ĐÃI
(THEO SỐ NĂM LÀM VIỆC THỰC TẾ CHO NHÀ NƯỚC)

TT	HỌ VÀ TÊN	Số năm đã làm việc cho Nhà nước	Số cổ phần được mua theo giá ưu đãi (giảm giá 30%so với các cổ đông khác)	Số tiền phải nộp để mua cổ phần theo giá ưu đãi (70.000đ/cổ phần)	Số tiền được hưởng theo giá ưu đãi của người LD trong DN (30.000 đ/cp)	Ghi chú (Chức danh trong doanh nghiệp)
1	ĐÀO VĂN THẠCH	38	380	26.600.000	11.400.000	Giám đốc
2	HUỖNH THỊ BẠCH HOA	17	170	11.900.000	5.100.000	Trưởng phòng HCTC
3	TRẦN THỊ HỒNG MINH	6	60	4.200.000	1.800.000	Nhân viên
4	NGUYỄN KIM LIÊN	3	30	2.100.000	900.000	Nhân viên
5	ĐINH XUÂN TÌNH	40	400	28.000.000	12.000.000	Nhân viên
6	VŨ DƯƠNG DIỆP	5	50	3.500.000	1.500.000	Nhân viên
7	HỒ THỊ MAI XUÂN	10	100	7.000.000	3.000.000	Kế toán trưởng
8	HÀ THANH PHONG	14	140	9.800.000	4.200.000	Nhân viên
9	LƯƠNG THỊ PHI YẾN	7	70	4.900.000	2.100.000	Nhân viên
10	TRẦN HỒNG LÂM	9	90	6.300.000	2.700.000	Trưởng phòng SXKD
11	VÕ VĂN ANH	6	60	4.200.000	1.800.000	Nhân viên
12	TRẦN THANH PHÚ	5	50	3.500.000	1.500.000	Nhân viên
13	NGUYỄN THÀNH LỢI	14	140	9.800.000	4.200.000	Phó phòng SXKD
14	TRƯƠNG TRUNG TRỰC	1	10	700.000	300.000	Nhân viên
15	TRẦN ĐỨC LẬP	1	10	700.000	300.000	Nhân viên
16	MẠC TUYẾT NHUNG	15	150	10.500.000	4.500.000	Chủ tịch Công đoàn
17	NGUYỄN MẠNH TOÀN	19	190	13.300.000	5.700.000	Quản đốc
18	NGUYỄN CÔNG THẮNG	18	180	12.600.000	5.400.000	Phó quản đốc
19	LƯU THẾ HÙNG	22	220	15.400.000	6.600.000	Công nhân
20	NGUYỄN QUỐC THẮNG	8	80	5.600.000	2.400.000	Tổ trưởng Tổ cơ khí
21	VƯƠNG VĨ TUÔNG	8	80	5.600.000	2.400.000	Công nhân
22	TRẦN VĂN MẾN	3	30	2.100.000	900.000	Công nhân
23	NGUYỄN HOÀNG LẬP	1	10	700.000	300.000	Công nhân
24	NGUYỄN MINH THÀNH	1	10	700.000	300.000	Công nhân
25	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	6	60	4.200.000	1.800.000	Tổ trưởng tổ BTP
26	PHẠM THỊ ĐIỂM	24	240	16.800.000	7.200.000	Công nhân
27	NGUYỄN THỊ LÊ	22	220	15.400.000	6.600.000	Công nhân
28	TRẦN THỊ KIM LANG	24	240	16.800.000	7.200.000	Công nhân
29	TRẦN THỊ THU	15	150	10.500.000	4.500.000	Công nhân
30	LÊ THỊ TRƠN	6	60	4.200.000	1.800.000	Công nhân

TT	HỌ VÀ TÊN	Số năm đã làm việc cho Nhà nước	Số cổ phần được mua theo giá ưu dãi (giảm giá 30%so với các cổ đông khác)	Số tiền phải nộp để mua cổ phần theo giá ưu đãi (70.000đ/cổ phần)	Số tiền được hưởng theo giá ưu đãi của người LD trong DN (30.000 đ/cp)	Ghi chú (Chức danh trong doanh nghiệp)
31	HUỖNH THỊ LIỄU	25	250	17.500.000	7.500.000	Công nhân
32	PHAN KIM HỒNG	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
33	NGUYỄN THỊ KIM VÂN	5	50	3.500.000	1.500.000	Công nhân
34	NGUYỄN THỊNH VƯỢNG	2	20	1.400.000	600.000	Công nhân
35	PHẠM H THANH TÂM	2	20	1.400.000	600.000	Công nhân
36	NGUYỄN QUANG HÙNG	2	20	1.400.000	600.000	Công nhân
37	NGUYỄN V HOÀNG LAM	6	60	4.200.000	1.800.000	Tổ trưởng tổ TP
38	NGUYỄN THỊ KIM HẢI	24	240	16.800.000	7.200.000	Công nhân
39	HUỖNH THỊ THU TRANG	5	50	3.500.000	1.500.000	Công nhân
40	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	6	60	4.200.000	1.800.000	Công nhân
41	HUỖNH THỊ THU NHẢN	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
42	HOÀNG NHỤC PHÓNG	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
43	NGUYỄN TOÀN THẮNG	6	60	4.200.000	1.800.000	Công nhân
44	TẶNG T HỒNG NHAN	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
45	MAC THANH LONG	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
46	NGUYỄN VIỆT THẮNG	2	20	1.400.000	600.000	Công nhân
47	LÊ VĂN HIỆU	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
48	ĐẶNG NGỌC ANH	24	240	16.800.000	7.200.000	Công nhân
49	ĐẶNG NGỌC MAI	24	240	16.800.000	7.200.000	Công nhân
50	HOÀNG THỊ QUỲ	20	200	14.000.000	6.000.000	Công nhân
51	ĐẶNG QUANG SANG	5	50	3.500.000	1.500.000	Công nhân
52	LẠI THỊ THU THÚY	5	50	3.500.000	1.500.000	Công nhân
53	NGUYỄN THỊ THANH	6	60	4.200.000	1.800.000	Công nhân
54	NGUYỄN ĐỨC NGỌC	2	20	1.400.000	600.000	Công nhân
55	HUỖNH THANH NHỰT	2	20	1.400.000	600.000	Công nhân
56	LÊ TÂN PHÁT	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
57	NGUYỄN TOÀN THỊNH	4	40	2.800.000	1.200.000	Tổ trưởng tổ TP
58	TÔ THỊ LUÂN	24	240	16.800.000	7.200.000	Công nhân
59	LÊ MẬU THÂN	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
60	PHẠM THỊ CƯỜI	5	50	3.500.000	1.500.000	Công nhân

TT	HỌ VÀ TÊN	Số năm đã làm việc cho Nhà nước	Số cổ phần được mua theo giá ưu đãi (giảm giá 30% so với các cổ đông khác)	Số tiền phải nộp để mua cổ phần theo giá ưu đãi (70.000đ/cổ phần)	Số tiền được hưởng theo giá ưu đãi của người LĐ trong DN (30.000 đ/cp)	Ghi chú (Chức danh trong doanh nghiệp)
61	TRẦN MINH TÂM	2	20	1.400.000	600.000	Công nhân
62	HUỖNH THỊ HƯƠNG	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
63	NGUYỄN THANH THÚY	3	30	2.100.000	900.000	Công nhân
64	TRƯƠNG KIỀU DIỄM	4	40	2.800.000	1.200.000	Công nhân
65	NGUYỄN VĂN PHÁT	2	20	1.400.000	600.000	Công nhân
66	HUỖNH VĂN HÀ	2	20	1.400.000	600.000	Công nhân
67	TRẦN BÌNH THANH	0	0	0	0	
	CỘNG		6.230	436.100.000	186.900.000	

- Cổ phần ưu đãi bình quân : 90 cổ phần

- Tổng giá trị cổ phần ưu đãi so với tổng giá trị thuộc vốn Nhà nước : 7%

TM. BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG ỦY

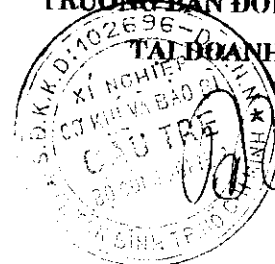
TM. BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN

TRƯỞNG BAN ĐỔI MỚI QUẢN LÝ

(CHÍ ỦY)

CHỦ TỊCH

TẠI DOANH NGHIỆP



Đào Tâm Chanh

Đào Tâm Chanh

Phần Thứ nhất

TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP

Xí nghiệp cơ khí và bao bì Cầu Tre được thành lập theo Quyết định số : 388/HĐBT với Quyết định thành lập doanh nghiệp Nhà nước số 450/CNn-TCLĐ ngày 07 tháng 5 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nhẹ (nay là Bộ Công nghiệp) . Giấy phép đăng ký kinh doanh số 102696 ngày 22 tháng 5 năm 1993 .

Có tên gọi đầy đủ : Xí nghiệp cơ khí và bao bì Cầu Tre

Địa điểm : 291/2 Hương lộ 14, phường 19, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh

Trụ sở thứ hai tại : 357/3D Hương lộ 14, P.19, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh .

Số điện thoại : 08.8652743, 08.8605021

Số fax : 84.8.8650935

Ngành nghề kinh doanh : Sản xuất bao bì sắt lá tráng thiếc .

Là đơn vị hạch toán độc lập .

1. Vốn kinh doanh : 2.296 triệu đồng .

a/ Phân theo cơ cấu vốn :

Vốn cố định : 727 triệu đồng

Vốn lưu động : 1.569 triệu đồng

b/ Phân theo nguồn vốn :

-Vốn Nhà nước : (bao gồm vốn ngân sách cấp, vốn có nguồn gốc từ ngân sách và vốn do doanh nghiệp tự tích lũy) : 2.296 triệu đồng .

+ Trong đó : Vốn tự tích lũy : 342 triệu đồng .

2. Lao động : (đến thời điểm lập phương án cổ phần hoá : 67 người .

Trong đó :

Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học : 7 người

Cán bộ có trình độ trung cấp : 1 người

Công nhân kỹ thuật : 8 người

Lao động hợp đồng dài hạn : 49 người

Lao động hợp đồng ngắn hạn (dưới 1 năm) : 16 người

Trần Đức, kế toán

2

3. Tình hình kinh doanh trước khi lập phương án cổ phần hoá:

Đơn vị : 1.000 đ

STT	Chỉ tiêu	1996	1997	9T 1998
1	Doanh thu	11.947.821	12.671.295	6.601.389
2	Vốn kinh doanh	1.784.374	2.296.244	2.296.244
3	Vốn nhà nước	1.453.827	1.953.827	1.953.830
4	Lợi nhuận trước thuế	752.565	215.395	253.238
5	Lợi sau trước thuế	407.344	131.879	164.605
6	Số lao động (người)	63	67	67
7	Thu nhập bình quân người/tháng	1.240	1.532	1.370
8	Các khoản nộp ngân sách	715.228	449.301	329.594
	Trong đó :			
	- Thuế doanh thu(hoặc thuế TGGT)	260.772	259.010	149.132
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt			
	- Thuế xuất nhập khẩu			
	- Thuế lợi tức (hoặc thuế Thu nhập DN)	345.221	81.918	88.633
	- Thuế vốn	52.569	76.441	70.530
	- Thuế khác	56.666	31.932	21.299
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế (trên vốn KD)	23	6	8
10	Nợ phải trả	1.403.179	1.565.594	1.463.895
	Trong đó : - Nợ ngân sách	409.574	160.484	227.250
	- Nợ ngân hàng	300.000	500.000	300.000
11	Nợ phải thu	716.496	583.689	479.811
	Trong đó : - Nợ khó đòi			

4. Tình hình tài sản của doanh nghiệp :

a/ Máy móc thiết bị (bao gồm cả phương tiện vận tải) :

- Trị giá theo sổ sách kế toán : 1.674.178.636 đồng .

b/ Máy móc thiết bị không cần sử dụng (xin thanh lý , điều đi ...)

- Trị giá theo sổ sách kế toán : không có .
- Tỷ lệ so với tổng số : (b/a) : 0%

c/ Nhà xưởng đất đai :

- Diện tích nhà xưởng đang sử dụng : 6.292 m² .
- Diện tích nhà xưởng không cần dùng (hiện vật m², giá trị : đồng)
- Diện tích đất đang sử dụng trong kinh doanh : 6.292 m² .
- Diện tích đất đai đang quản lý (kể cả phần đất lưu không, phần cho thuê) : 6.292 m².

5. Các vấn đề khác cần xem xét giải quyết (nếu có) .

- Tài sản từ phúc lợi tập thể : Bệnh xá, trường học, nhà nghỉ... sẽ giao cho Cty cổ phần quản lý (cần ghi rõ giá trị, khả năng phục vụ, công suất...) : không có .
- Liên doanh, liên kết (hiện vật, giá trị ban đầu , giá trị còn lại ...) không có.
- Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang : không có .
- Vốn vay của người lao động trong ngoài doanh nghiệp

Phương án giải quyết :

. Tiếp tục cho Công ty cổ phần vay .

- Các khoản công nợ khó đòi , không thể đòi được: không có .
- Nợ Bảo hiểm xã hội những năm trước (nếu có) : không có .
- Số lao động xin chấm dứt hợp đồng trước khi cổ phần hoá : xí nghiệp đã giải quyết đúng theo chính sách chế độ .

Phần thứ hai

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HOÁ

1. Hình thức cổ phần hoá :

- Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế, doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hoá : bán toàn bộ giá trị hiện có thuộc vốn Nhà nước tại doanh nghiệp để chuyển thành Công ty cổ phần (hình thức 4 trong điều 7 của Nghị định 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998) .

Cụ thể là :

2. Tên Công ty cổ phần : Công ty cổ phần bao bì hộp thiếc Cầu Tre

Tên viết tắt : TIPACO

Trụ sở chính : 291/2 Hương lộ 14, phường 19, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

3. Vốn điều lệ của Công ty cổ phần : 2.497,465 triệu đồng .

4. Tỷ lệ cổ phần của các cổ đông :

Người lao động trong doanh nghiệp :

80% /Vốn điều lệ trị giá 1.997,972 triệu đồng .

(Kể cả phần bán theo giá ưu đãi, phần do quỹ khen thưởng phúc lợi (bằng tiền) chia cho người lao động mua cổ phần; phần tiền mua của người lao động trong doanh nghiệp và phần vốn doanh nghiệp đã vay của người lao động trong doanh nghiệp nay chuyển thành vốn cổ phần).

- Ngoài doanh nghiệp : 20% vốn điều lệ trị giá 499,493 triệu đồng .

- Trị giá 01 cổ phần thống nhất 100.000 đồng . Giá trị doanh nghiệp được duyệt :

a/ Giá trị thực tế của doanh nghiệp: 3.969,882 triệu đồng .

b/ Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp :

2.497,465 triệu đồng, sẽ chia làm 24.975 cổ phần .

- Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động trong doanh nghiệp : trị giá 580.000.000 đồng (5.800 cổ phần * 100.000 đ).

- Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động nghèo trong doanh nghiệp trả chậm : trị giá 113.000.000 đồng (1.130 cổ phần * 100.000 đ).

(Danh sách người lao động và năm công tác của từng người; người lao động nghèo mua trả dần có bảng kê do Ban Đối mới quản lý tại doanh nghiệp, công đoàn, cấp ủy đã xét duyệt như phụ lục 1-2 đính kèm).

5. Thời gian và cơ quan bán cổ phiếu :

Đề nghị được bán cổ phiếu từ ngày 01/01/1999 đến ngày 31/3/1999 tại doanh nghiệp .

6. Phương án đầu tư phát triển doanh nghiệp sau cổ phần hoá :

a/. Chi phí cổ phần hoá : Theo thông tư số 104/TT-BTC.

* Giá trị thực tế Xí nghiệp cơ khí và bao bì Cầu Tre : **3.968.881.532 đồng** .

* Chi phí cổ phần hoá được phép chi là : **109.377.631 đồng** .

3.000.000.000 đ * 3% : 90.000.000 đồng .

968.881.532 đ * 2% : 19.377.631 đồng .

* Xí nghiệp cơ khí và bao bì Cầu Tre dự toán chi phí cổ phần hoá như sau :

1. Chi phí kiểm kê tài sản	:	12.000.000 đồng .
2. Phí in ấn tài liệu + tập huấn nghiệp vụ về CPH	:	10.000.000 đồng .
3. Phí đánh giá và thẩm định tài sản	:	25.000.000 đồng .
4. Chi phí quảng cáo và tổ chức bán cổ phiếu	:	16.000.000 đồng .
5. Chi phí hội họp và Đại hội cổ đông	:	12.000.000 đồng .
6. Xây dựng đề án cổ phần hoá	:	10.000.000 đồng .
7. Đăng ký kinh doanh , con dấu	:	05.000.000 đồng .
8. Chi phí khác có liên quan đến cổ phần hoá	:	<u>08.000.000 đồng</u> .
Cộng	:	98.000.000 đồng .

2

b/ Sau khi cổ phần hoá Công ty cổ phần bao bì hộp thiếc Cầu Tre sẽ sử dụng số tiền thu do bán cổ phần đối với hình thức 4 sẽ trừ số chi phí cổ phần hoá số còn lại sẽ nộp ngân sách .

c/ Số tiền thu về bán cổ phần trả dân của người lao động nghèo trong doanh nghiệp sẽ hoàn trả toàn bộ cho Nhà nước bắt đầu từ năm 2002 đến hết năm 2008.

d/ Những dự kiến phát triển của Công ty cổ phần sau cổ phần hoá :

- Vốn điều lệ : Do những năm đầu chuyển qua Công ty cổ phần còn khó khăn nên Công ty dự kiến trong 3 năm đầu sẽ không tăng vốn điều lệ.

- Các khoản nộp ngân sách , lợi nhuận sau thuế dự kiến sẽ tăng bình quân từ 20 đến 30 %/năm.

- Cổ tức bình quân hàng năm trả cho cổ đông ~~không~~ từ 18% đến 23%/năm .

- Lao động bình quân tăng 10 người/năm.

Cụ thể :

Phương án đầu tư phát triển doanh nghiệp 3 năm sau cổ phần hoá

CHỈ TIÊU	DVT	1999	2000	2001
1- Vốn điều lệ	1000đ	2.497.465	2.497.465	2.497.465
Trong đó :				
Cổ phần cán bộ công nhân viên	1000đ	1.997.972	1.997.972	1.997.972
Các cổ đông khác	1000đ	499.493	499.493	499.493
2- Doanh thu	1000đ	13.700.000	17.500.000	21.000.000
3- Sản phẩm chính				
- Thùng 19l	Cái	700.000	800.000	900.000
- Hộp bánh các loại	Cái	500.000	700.000	900.000
- Lon tròn các loại	Cái	100.000	150.000	200.000
4- Tổng chi phí	1000đ	12.746.000	16.294.000	19.552.800
5- Lợi nhuận trước thuế	1000đ	680.000	856.000	1.027.200
6- Lợi nhuận sau thuế	1000đ	571.200	719.040	698.496
7- Các khoản nộp ngân sách	1000đ	440.000	550.000	790.000
Trong đó : + Thuế lợi tức	1000đ	108.800	136.960	328.704
+ Thuế doanh thu	1000đ	274.000	350.000	420.000
8- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn điều lệ	%	23	29	28
9- Trích quỹ	1000đ	114.240	143.808	139.699
+ Quỹ dự trữ bắt buộc	1000đ	28.560	35.952	34.925
+ Quỹ khen thưởng & phúc lợi	1000đ	57.120	71.904	69.850
+ Quỹ phát triển SX	1000đ	28.560	35.952	34.925
10- Lợi tức cổ phần	1000đ	456.960	575.232	558.797
11- Cổ tức bình quân hàng năm trả cho các cổ đông	%	18	23	22
12- Lao động	người	80	90	100
13- Thu nhập bình quân người/ năm	đồng	1.500.000	1.600.000	1.800.000
14- Đầu tư xây dựng cơ bản	1000đ	200.000	250.000	300.000

Phần thứ ba

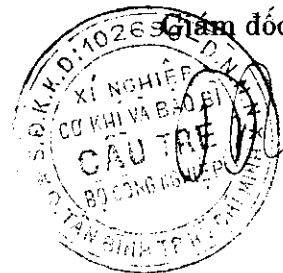
TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Thời gian để chuyển Xí nghiệp cơ khí và bao bì Cầu Tre Nhà nước thành Công ty cổ phần bao bì hộp thiếc Cầu Tre , xí nghiệp đề nghị được giảm thuế theo quy định trong Nghị định 44/1998/NĐ-CP kể từ ngày 1/1/1999 đến 31/12/2000.

Đồng thời khi chuyển qua Công ty cổ phần thì Công ty được vay vốn ở ngân hàng theo nội dung trong thông tư 07 tháng 9 năm 1998 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Riêng khoản nợ vay vốn trung hạn và trồng mới là : 383.120.785 đồng tương đương 38.248,78 RCN sẽ chuyển qua cho Công ty cổ phần vay tiếp và Công ty cổ phần phải có trách nhiệm trả vốn vay trung hạn và trồng mới này khi có lệnh của Nhà nước phải thanh toán cho Hiệp định 19/5.

Trưởng ban đổi mới quản lý doanh nghiệp.



Dân Văn Chanh

SỐ : 1512 /QLV/CN

TP.Hồ Chí Minh, ngày 8 tháng 12 năm 1998

**Kính gửi : - TỔNG CỤC QUẢN LÝ VỐN & TSNN TẠI DOANH NGHIỆP
- BỘ CÔNG NGHIỆP**

V/v Xác định giá trị Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu tre

- Căn cứ nghị định 44/1998/NĐ-CP ngày 29.06.1998 của Chính phủ và thông tư số 104/1998/TT-BTC ngày 18.07.1998 của Bộ Tài Chính V/v hướng dẫn những vấn đề tài chính khi chuyển DNNN thành Cty cổ phần.

- Căn cứ công văn số 3138TC/TCDN ngày 19.8.1998 của Bộ Tài Chính V/v hướng dẫn thực hiện cổ phần hóa DNNN và công văn số 1281TC/TCDN ngày 16.10.1998 của Tổng Cục Quản Lý Vốn & Tài Sản Nhà Nước tại DN V/v xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa

- Thi hành Quyết định số 1434 TCDN/QĐ-VP ngày 24.11.1998 của Tổng Cục trưởng Tổng Cục Quản Lý Vốn & Tài Sản Nhà Nước tại DN V/v thành lập hội đồng xác định giá trị Xí nghiệp cơ khí và Bao bì Cầu tre thuộc Bộ Công nghiệp.

- Căn cứ biên bản xác định giá trị Xí nghiệp Cơ khí & Bao bì Cầu tre của hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp, lập ngày 27/11/1998.

Cục Quản Lý Vốn thành phố kính trình Tổng Cục Quản Lý Vốn & Tài Sản Nhà Nước tại DN, Bộ Công Nghiệp kết quả xác định giá trị Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu tre tại thời điểm 01/10/1998 như sau :

1- Giá trị thực tế của Xí nghiệp cơ khí và Bao bì Cầu tre thuộc Bộ Công nghiệp tính đến thời điểm 0h ngày 01/10/1998 là : 3.968.881.532 đồng , gồm :

- + Tài sản cố định và đầu tư dài hạn : 2.086.826.625 đồng
- + Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn : 1.882.054.907 đồng
- + Giá trị lợi thế kinh doanh của DN : 0

Trong đó : **Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại DN là : 2.497.465.025 đồng**

2- Hồ sơ pháp lý của nhà xưởng :

Toàn bộ nhà xưởng đã được quốc hữu hóa theo QĐ số 1783/QĐ-UB ngày 28/12/1977 của UBND TP.Hồ Chí Minh và HĐ 07/HĐ-TĐ ngày 06/01/1998 của Sở Địa chính TP.Hồ Chí Minh.

Cục Quản Lý Vốn thành phố kính trình .

Đính kèm : Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp của Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu tre thuộc Bộ Công nghiệp.

*** Nơi nhận :**

- Như trên
- Các thành viên hội đồng
- Lưu VP-P.CN

KT CỤC TRƯỞNG
CỤC QLV & TSNN TẠI DN TP.HCM
PHÓ CỤC TRƯỞNG



HOÀNG THỊ VUI

BỘ CÔNG NGHIỆP
Số 3011 /QĐ-TCKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....
Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP
Về việc xác định giá trị Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu tre
để thực hiện cổ phần hoá.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

- Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 01-11-1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29-6-1998 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần; Thông tư số 104/1998/TT-BTC ngày 18-7-1998 của Bộ Tài chính hướng dẫn những vấn đề về tài chính khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần;

- Căn cứ biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp tại Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu tre lập ngày 27-11-1998;

- Căn cứ công văn số 5203/TC/TCĐN ngày 7-12-1998 của Bộ Tài chính về xác định việc giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giá trị Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu tre thuộc Bộ Công nghiệp tại thời điểm 0 giờ ngày 01-10-1998 để cổ phần hoá như sau:

Giá trị thực tế của doanh nghiệp: 3.968.881.532 đồng (Ba tỷ chín trăm sáu tám triệu tám trăm tám một nghìn năm trăm ba hai đồng).

Trong đó:

Gía trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: 2.497.465.025 đồng (Hai tỷ bốn trăm chín bảy triệu bốn trăm sáu lăm nghìn hai lăm đồng).

Điều 2: Căn cứ vào giá trị Xí nghiệp được xác định tại Điều 1 Ban cổ phần hoá Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu tre thực hiện các công việc tiếp theo để cổ phần hoá.

Điều 3 : Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 4 : Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng chuyên ngành thuộc Bộ, Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu tre chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP
THỨ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như điều 4,
- Ban đổi mới QLDN TW,
- Văn phòng Chính phủ,
- Tổng cục QLV & TSNN (Bộ TC),
- Cục QLV & TSNN TP HCM,
- Ban đổi mới QLDN Bộ Công nghiệp,
- Lưu VP, TCKT.



Lê Huy Côn

giatri.vn

BỘ CÔNG NGHIỆP NHỆ



QUYẾT ĐỊNH

THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Số . 450 / CNn-TCLĐ

Ngày . 7 . tháng . 5 năm 1993



Tên doanh nghiệp : *Xí nghiệp cơ khí và bảo trì*
Lầu Tre

Hà nội, ngày 7 tháng 5 năm 1993

QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP NHE

- Căn cứ Nghị định số 196 HDBT ngày 11-12-1989 của Hội đồng Bộ trưởng về quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ;
- Căn cứ quy chế về thành lập, giải thể doanh nghiệp nhà nước ban hành kèm theo Nghị định 388 HDBT ngày 20-11-1991 và Nghị định 156 HDBT ngày 7-5-1992 của Hội đồng Bộ trưởng;
- Căn cứ thông báo số . 140 /TB ngày 4 tháng 5 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ về việc đồng ý thành lập doanh nghiệp Nhà nước;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Nay thành lập doanh nghiệp nhà nước :

Doanh nghiệp cơ khí và bao bì Cầu Tre

Tên giao dịch đối ngoại :

Điều 2 : Doanh nghiệp được phép :

- Đặt trụ sở chính tại : . 291/2 . *Hàng Lữ 14*

. *Quận Tân Bình, tp. Hồ Chí Minh*

- Văn phòng đại diện, chi nhánh

.....

.....

- Cơ sở sản xuất :

.....

.....

Điều 3 : Ngành nghề kinh doanh :

. *Sản xuất phụ tùng cơ khí* . . . Mã số 01-05 . .

. *Sản xuất bao bì* . . . Mã số 01-19-09

..... Mã số

..... Mã số

..... Mã số

.....

.....
.....
Điều 4 : Sản phẩm chính :

Phụ tùng máy cày dầu 5 tấn/năm
Bao bì thiết quỳ ra thùng 19 lít 132.000 tấn/năm
.....
.....
.....

Điều 5 : Tổng mức vốn kinh doanh (31-12-1991) :

..... 1.164, 171 .. triệu đồng

a- Theo cơ cấu vốn :

Vốn cố định 512, 097 .. triệu đồng
Vốn lưu động 183, 984 .. triệu đồng
Vốn khác 468, 090 .. triệu đồng

b- Theo nguồn vốn :

Ngân sách cấp 514, 842 .. triệu đồng
Tự bổ sung 38, 409 .. triệu đồng
Vay ngân hàng 553, 860 .. triệu đồng
Vốn khác triệu đồng

Điều 6 : Doanh nghiệp có trách nhiệm làm đầy đủ thủ tục để đăng ký kinh doanh và hoạt động theo đúng pháp luật.

Điều 7 : Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP NHE



Nơi nhận :

- VP Chính phủ
- UBKHNN
- Bộ Tài chính
- Ngân hàng nhà nước
- TTKTNN
- Bộ Thương mại
- UBND
- Doanh nghiệp
- Lưu.

Ưu
ĐẶNG VŨ CHƯ

Số : 1083/QĐ-UB

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 12 năm 1977

QUYẾT - ĐỊNH

Về việc Quốc hữu hóa nhà máy
dập hộp thiếc Standard-

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban
hành chính các cấp ngày 27 tháng 10 năm 1962 ;

- Căn cứ quyết định số 90-CP ngày 4/4/1977 của
Hội đồng Chính phủ về việc áp dụng chế độ quản lý đối với các
xí nghiệp tư nhân do các ngành công quản từ sau ngày giải
phóng 30/4/1975 ;

- Căn cứ báo cáo của Ban cải tạo thành phố (công
văn số 1055/TB-XL) về tình hình nhà máy dập hộp thiếc Standard;

- Theo đề nghị của đồng chí Trưởng ban Cải tạo
Công thương nghiệp tư bản tư doanh thành phố Hồ Chí Minh với
sự nhất trí của Ban cải tạo Trung ương và Ban Cải tạo Bộ Lương
thực thực phẩm,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1.- Quốc hữu hóa toàn bộ nhà máy dập hộp thiếc
Standard ở 291/2 Hương lộ 14, phường 19 Quận Tân Bình Thành
phố Hồ Chí Minh và giao cho Công ty Dầu thực vật miền Nam
(thuộc Bộ Lương thực thực phẩm) quản lý điều hành theo chế độ
quốc doanh.

Điều 2.- Xử lý cổ phần của 2 cổ đông nhà máy như sau:

a) Nhà nước quản :

- Cổ phần của Huỳnh Lang Thúc (20%) đi nước ngoài.

b) Trung mua theo chính sách chung của Nhà nước :
(sau khi thanh lý nợ và khấu hao.)

- Cổ phần của Trần Tuấn Tài (80%).

Điều 3.- Công ty Dầu thực vật miền Nam có trách nhiệm :

- Thông báo cho đương sự nói ở điều 2 để thi hành quyết định.

- Cùng với Sở Tài chính và các ngành có liên quan tiến hành kiểm kê xác định lại trị giá thực tế toàn bộ tài sản nhà máy báo cáo về Bộ Tài chính để lập thủ tục giao nhận vốn.

- Tiến hành phát động công nhân tổ chức lại sản xuất thực hiện 3 cuộc cách mạng.

- Đảm bảo các chế độ chính trị kinh tế cho công nhân viên chức theo chế độ quốc doanh.

- Tăng cường công tác bảo vệ nhà máy, bảo vệ nội bộ.

- Tiếp tục thanh lý nợ, giải quyết việc trưng mua và các vấn đề tồn tại của Nhà máy.

Điều 4.- Các Đồng chí Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Trưởng ban cải tạo thành phố, Giám đốc các Sở Tài chính, Thuế, Ngân hàng, Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá, Chủ nhiệm Công ty Dầu thực vật miền Nam, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Quận Tân Bình có trách nhiệm thi hành quyết định này.-

Nơi nhận :

- Như điều 4
- Bộ LTTP
- Bộ Tài chính
- Ban Cải tạo TƯ
- Lưu.

vok.10b

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
K/T CHỦ TỊCH

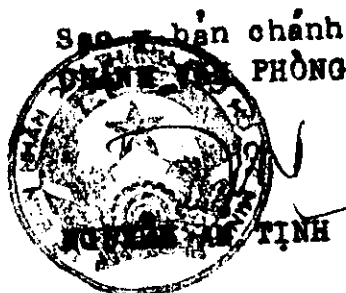
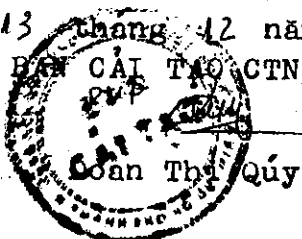
PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC

Đã ký : LÊ ĐÌNH NHƠN

SAO Y BẢN CHÁNH

Ngày 13 tháng 12 năm 1994

TL. BAN CẢI TẠO CTN/TP



BỘ LƯƠNG THỰC VÀ THỰC PHẨM

Số: 3116 LTTP/CT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

-----00000-----LT.450b

Ngày 28 tháng 11 năm 1977

QUYẾT ĐỊNH

V/v chuyển xí nghiệp công quản. Đáp hợp thiếc
... Standard ... thành xí nghiệp quốc doanh

-*-

BỘ TRƯỞNG BỘ LƯƠNG THỰC VÀ THỰC PHẨM

- Căn cứ quyết định 90/CP ngày 4.4.1977 của Hội đồng Chính phủ về việc áp dụng chế độ quản lý đối với các xí nghiệp của Tư bản mai bán và gian thương. Các xí nghiệp vắng chủ và các xí nghiệp nợ ngân hàng, không đủ khả năng sản xuất kinh doanh mà Nhà nước đã công quản từ sau ngày giải phóng.

- Căn cứ vào quyết định số 1783/QĐ-UB ngày 28. tháng 12 năm 1977. của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc quốc hữu hóa xí nghiệp Đáp hợp thiếc Standard và công bố chính sách xử dụng đối với các cổ đông có cổ phần tại xí nghiệp này.

- Căn cứ báo cáo của Ban Cải tạo Công nghiệp tư doanh mà Bộ Lương thực và Thực phẩm về nguồn gốc và tình hình hoạt động kinh doanh của Nhà máy này.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU I. - Quốc hữu hóa toàn bộ cơ sở sản xuất và kinh doanh của
.... Nhà máy đáp hợp thiếc Standard ở 291/2. Hương lộ 1
..... 14, Phường 19, Quận Tân Bình, Thành phố
..... HỒ CHÍ MINH
chuyển từ chế độ quản lý công quản sang chế độ quản lý quốc doanh XHCN nhằm hoàn thành vượt mức toàn diện kế hoạch Nhà nước hàng năm.

ĐIỀU II. - ..Nhà máy đập hộp thiếc Standard.. từ nay sẽ đổi
tên mới là :Nhà máy hộp thiếc Cầu Tre.....
trực thuộc Công ty :Đầu Miền Nam.....

ĐIỀU III. - Đ/C Giám đốc nhà máyHộp thiếc Cầu Tre.....
có trách nhiệm :

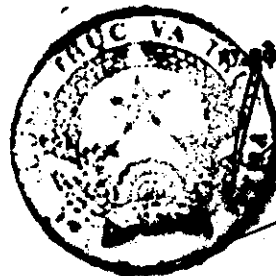
- a) Tiến hành kiểm kê, xác định giá trị thực tế toàn bộ tài sản của các cơ sở, tiếp quản chuyển tài sản đã quốc hữu hóa thành vốn đầu tư của Nhà nước.
- b) Tiến hành giáo dục, phát động công nhân xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất XHCN bảo đảm thực hiện các chế độ chính sách và quản lý xí nghiệp quốc doanh đầy mạnh sản xuất, phù hợp với phương thức quản lý XHCN, tăng cường bảo vệ xí nghiệp, bảo vệ nội bộ.

ĐIỀU IV. - Các đ/c : Chánh Văn phòng Bộ, Giám đốc nhà máy
.....Hộp thiếc Cầu Tre..... Giám đốc Công ty ...Đầu Miền Nam.... ; Trưởng ban Cải tạo Công nghiệp tư doanh của Bộ, Các đ/c Vụ Trưởng : Vụ Kế hoạch, Vụ Tài vụ, Vụ Lao động tiền lương, Vụ Kỹ thuật Vụ Cán bộ đào tạo, chiếu quyết định thi hành./-

BỘ TRƯỞNG BỘ LƯƠNG THỰC VÀ THỰC PHẨM

Nơi nhận :

- Như điều 4.
- UBND Thành phố HCM.
- Ban Cải tạo CTNTDTW.
- Bộ Tài chính.
- Bộ Lao động.
- Ngân hàng NN.VN.



THỦ TRƯỞNG

S. H. M. A.

BỘ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 4454.CV-TCCB

V/v: *Cổ phần hoá*
Xí nghiệp Cơ khí - Bao bì Cầu Tre

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 1997

Kính gửi: **ĐỒNG CHÍ GIÁM ĐỐC**
XÍ NGHIỆP CƠ KHÍ - BAO BÌ CẦU TRE

Ngày 03/12/1997, Xí nghiệp Cơ khí - Bao Bì Cầu Tre có công văn số 24/CN-CKBB đề nghị Bộ Công nghiệp cho Xí nghiệp được tiến hành cổ phần hoá, Bộ Công nghiệp có ý kiến như sau:

Đồng ý cho Xí nghiệp Cơ khí - Bao Bì Cầu Tre tiến hành cổ phần hoá, theo Nghị định 28/CP ngày 7/5/1996 của Chính phủ.

Đồng chí Giám đốc báo cáo danh sách các thành viên trong Ban Chỉ đạo cổ phần hoá của Xí nghiệp để Bộ ra Quyết định thành lập và lập phương án cổ phần hoá của doanh nghiệp báo cáo Bộ phê duyệt

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP
THỨ TRƯỞNG



NGUYỄN MINH THÔNG

Nơi nhận

- Như trên
- Ban chỉ đạo TW cổ phần hoá
- Ban chỉ đạo cổ phần hoá Bộ CN
- Các Vụ KHĐT- TCKT
- Lưu VP, TCCB

BỘ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 238 /QĐ-TCCB

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP
Về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hoá
Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu Tre

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP

- Căn cứ Nghị định số 74/CP ngày 1-11-1995 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Bộ Công nghiệp ;
- Căn cứ Nghị định số 28/CP ngày 7-5-1996 của Chính phủ về chuyển một số doanh nghiệp Nhà nước thành lập Công ty Cổ phần và Công văn số 4454../CV-TCCB của Bộ Công nghiệp cho phép Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu Tre được tiến hành cổ phần hoá ;
- Theo đề nghị của đồng chí Giám đốc Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu Tre tại Công văn số 32/CV-BBCT ngày 19-12-1997 và đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức-cán bộ ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu Tre gồm các đồng chí có tên sau :

- | | |
|--|------------|
| 1) Đồng chí Đào Văn Thạch, Giám đốc : | Trưởng ban |
| 2) " Mạc Tuyết Nhung, Chủ tịch Công đoàn : | Phó Ban |
| 3) " Huỳnh Thị Bạch Hoa, Trưởng phòng TCHC : | Ủy viên |
| 4) " Hồ Thị Mai Xuân, Kế toán trưởng : | Ủy viên |
| 5) " Trần Hồng Lâm, Trưởng phòng SXKD : | Ủy viên |

Điều 2 : Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu Tre có nhiệm vụ chỉ đạo công tác cổ phần hoá từ xây dựng đề án đến khi kết thúc quá trình cổ phần hoá để chuyển Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu Tre thành Công ty Cổ phần theo Nghị định 28/CP ngày 7-5-1996 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của các cơ quan của Nhà nước.

Trong quá trình tiến hành cổ phần hoá nếu gặp vướng mắc báo cáo về Bộ để giải quyết.

Điều 3 : Các đồng chí Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ chức năng thuộc Bộ, Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu Tre và các đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**KT. BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG NGHIỆP
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận :

- Như điều 3
- BCĐTW Cổ phần hoá
- BCĐCPH Bộ
- Lưu : VP, TCCB



NGUYỄN MINH THÔNG

BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC QUẢN LÝ VỐN
VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC
TẠI DOANH NGHIỆP
Số : 1434 TCDN/QĐ-VP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 14 tháng 11 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH CỦA TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC QUẢN LÝ VỐN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP
V/v thành lập Hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp
cổ phần hoá của Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu tre

TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC QUẢN LÝ VỐN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP

- Căn cứ Nghị định số 34/CP ngày 27/5/1995 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Tổng cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 44/1998/ ND -CP ngày 29/6/1998 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần;

- Căn cứ vào công văn công văn số 4097/ CV/ TCKT ngày 21/11/1998 của Bộ công nghiệp , công văn số 18/ CV- CKBB ngày 9/11/1998 của Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu tre về việc cử đại diện tham gia Hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hoá;

- Căn cứ vào công văn số 4113CV/ TCKT ngày 23/11/1998 của Bộ công nghiệp về việc xác định giá trị Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu tre ;

Theo đề nghị của Ông Chánh văn phòng - Tổng cục quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng xác định giá trị Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu tre gồm :

1. Bà Hoàng thị Vui - Phó Cục trưởng Cục quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh - Chủ tịch.

2. Bà Nguyễn Thị Hường

Chuyên viên chính vụ TCKT - Bộ công nghiệp
- Uỷ viên

3. Ông Đào văn Thạch

Giám đốc Xí nghiệp - Uỷ viên

Điều 2. Tổ chuyên viên giúp việc cho Hội đồng gồm :

1. Bà Tạ thị Thanh : Trưởng phòng nghiệp vụ II - Cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp TP HCM - Tổ trưởng.
2. Ông Nguyễn lương Phong : Chuyên viên phòng nghiệp vụ II - Cục quản lý vốn và tài sản Nhà nước tại doanh nghiệp TP HCM
3. Bà Nguyễn thị Hường : Chuyên viên vụ TCKT - Bộ công nghiệp
4. Bà Hồ thị Mai Xuân / - Kế toán trưởng Xí nghiệp
5. Đại diện sở Tài chính Vật giá thành phố Hồ Chí Minh

Điều 3 . Căn cứ vào yêu cầu , nội dung và thời gian tiến hành kiểm tra , xác định giá trị doanh nghiệp ; Chủ tịch Hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp có thể đề nghị một số ban ngành có liên quan cử thành viên tham gia giúp việc Hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp .

Điều 4 . Hội đồng xác định giá trị doanh nghiệp có nhiệm vụ kiểm tra xác định giá trị Xí nghiệp Cơ khí và Bao bì Cầu tre theo đúng chế độ hiện hành của Nhà nước.

Điều 5 . Ông Chánh văn phòng Tổng cục quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp và các ông, bà có tên tại điều 1 và điều 2 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhân :

- Sở Tài chính vật giá TP HCM
- Cục QLV & TSNH tại DN Thành phố HCM
- Bộ công nghiệp
- Xí nghiệp cơ khí và bao bì cầu tre
- Những ông, bà có tên tại Điều 1, 2
- Lưu: VP, NVII, Ban CPH.

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC QUẢN LÝ VỐN VÀ TÀI SẢN
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN NINH